

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST.
Ngày 16 - 9 -2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Diệp Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Th; Địa chỉ trụ sở: đường N, quận x, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chi nhánh: đường Tr, phường y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Song T. Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng Th – Chi nhánh huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: QL N, ấp Đ, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng - Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày số: 03/2022/GUQ - CNST ngày 15/3/2022 của Giám đốc Ngân hàng Th – Chi nhánh Sóc Trăng (Có mặt).

* Bị đơn: Kim Thị D; Sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/3/2017, bà Kim Thị D có ký với Ngân hàng Th hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

- Loại thẻ Family số thẻ 970403 - 1557;
- Hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng;
- Ngày ký hợp đồng: 16/3/2017;
- Lãi suất: 1,6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Kim Thị D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.000.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Kim Thị D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Kim Thị D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.802.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, nhưng bà Kim Thị D vẫn không có thiện trí trả nợ. Do bà Kim Thị D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06/6/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 9.703.930 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Mặc dù, Ngân hàng thường xuyên nhắc nhở, đã tạo điều kiện về mặt thời gian cho bà Kim Thị D để trả nợ, tuy nhiên bà Kim Thị D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã ký. Do bà Kim Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Kim Thị D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/9/2022 DL là 14.359.126 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi sáu đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc là 9.703.930 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.655.196 đồng và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 17/9/2022 DL cho đến khi bà D trả tất nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 2,4%/năm.

* Bị đơn là bà Kim Thị D đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ

hai mà vẫn cố tình vắng mặt, bà D không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Kim Thị D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[1.2] Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ngân hàng Th thì vào ngày 16/3/2017 bà Kim Thị D có ký với Ngân hàng Th hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Do bà D vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng Th khởi kiện yêu cầu bà D phải hoàn trả tiền cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi là 14.359.126 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án đến khi bà D trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng là Tranh chấp về dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã tiến hành cấp thẻ, loại thẻ Family số thẻ 970403 – 1557 cho bà D với hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng, lãi suất: 1,6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Kim Thị D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Kim Thị D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.802.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Từ đó đến nay thì bà D không thanh toán tiếp tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Do bà D vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Kim Thị D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/9/2022 DL là 14.359.126 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi sáu đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc là 9.703.930 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.655.196 đồng và tiền lãi phát sinh được

tính tiếp từ ngày 17/9/2022 DL cho đến khi bà D trả tất nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 2,4%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà D vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: 01 (một) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/3/2017 (Bản sao có chứng thực); 01 (một) Bản tóm tắt sao kê ngày 24/01/2022 (Bản chính); 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Kim Thị D (Bản sao) và các giấy tờ khác có liên quan. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng Th, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng Th và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Kim Thị D, nhưng bà D không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Xét thấy về hình thức và nội dung, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Th cho rằng bà Kim Thị D có ký với Ngân hàng Th hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2017 giữa Ngân hàng Th và bà Kim Thị D xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo đại diện của Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/3/2017 Ngân hàng đã tiến hành cấp thẻ, loại thẻ Family số thẻ 970403 – 1557 cho bà D với hạn mức tín dụng: 10.000.000 đồng, lãi suất: 1,6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Kim Thị D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Kim Thị D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.802.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nhưng sau đó thì bà Dương không tiếp tục thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Xét thấy, bà D thực hiện không đúng theo giao kết trong hợp đồng. Mặc dù, Ngân hàng thường xuyên nhắc nhở, đã tạo điều kiện về mặt thời gian cho bà Kim Thị D để trả nợ, tuy nhiên bà Kim Thị D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, bà D đã vi phạm các điều khoản đã ký. Do bà Kim Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi cho Ngân hàng, bà D là người có lỗi và

là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/9/2022 DL là 14.359.126 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc là 9.703.930 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.655.196 đồng và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 17/9/2022 DL cho đến khi bà D trả tất nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 2,4%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu bà D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/9/2022 DL là 14.359.126 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc là 9.703.930 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.655.196 đồng và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 17/9/2022 DL cho đến khi bà D trả tất nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 2,4%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc bà Kim Thị D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/9/2022 DL là 14.359.126 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc là 9.703.930 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.655.196 đồng và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 17/9/2022 DL cho đến khi bà D trả tất nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 2,4%/năm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Kim Thị D phải nộp số tiền là 717.956 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.539 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004020 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2, Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Th.

Buộc bà Kim Thị D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Th số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/9/2022 DL là 14.359.126 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm năm mươi chín nghìn một trăm hai mươi sáu đồng*) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 17/9/2022 DL cho đến khi bà D trả hết nợ cho Ngân hàng Th theo lãi suất nợ quá hạn là 2,4%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị D phải nộp 717.956 đồng (*Bảy trăm mười bảy nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.539 đồng (*Ba trăm nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004020 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Kim Thị D không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên